TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14-01-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh

2. Ông Phạm Văn Liệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phan Thị T, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 650, Ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Phạm Phú N, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 650, Ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn Phan Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: Bà Phan Thị T và ông Phạm Phú N kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 20/4/2010. Hôn nhân giữa ông bà được xây dựng trên cơ sở mai mối.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra tranh chấp cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N thường xuyên cờ bạc, ăn nhậu, không chăm lo làm ăn để xây dựng cuộc sống và hạnh phúc gia đình. Từ đó khiến cuộc

sống vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Bà T và ông N không còn sống chung từ tháng 4/2021 đến nay.

Nay nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không hàn gắn lại được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thị Huyền T, sinh ngày 26/8/2007 và Phạm Thanh A, sinh ngày 26/9/2010. Hiện nay, 02 con chung đang sống với bà T. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Phạm Phú N đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông N không có văn bản ghi ý kiến về việc bà T yêu cầu ly hôn, nuôi con, đồng thời đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn Phạm Phú N có địa chỉ tại xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị T và ông Phạm Phú N là hợp pháp, ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 20/4/2010. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà T kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông N vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm, không hàn gắn lại được, ông N không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông không có mặt để trình bày ý kiến.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà T và ông N có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và về kinh tế của gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau, ông N không chăm lo làm ăn để cùng bà T xây dựng hạnh phúc gia đình, từ đó khiến tình cảm vợ chồng phai nhạt, hôn nhân không hạnh phúc, ông bà đã sống xa nhau thời gian dài nhưng cả hai không hàn gắn tình cảm được, vợ chồng không còn yêu thương nhau, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông N có hai con chung tên Phạm Thị Huyền T, sinh ngày 26/8/2007 và Phạm Thanh Tâm, sinh ngày 26/9/2010. Hiện nay, hai con chung đang sống với bà T. Bà T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Huyền T và Thanh A, ông N không có văn bản ghi ý kiến và không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử xét thấy, hai cháu Huyền T và Thanh A sống với bà T đã ổn định, phát triển tốt về mọi mặt, thuận lợi cho việc học tập và điều này phù hợp với nguyện vọng của hai cháu tại Văn bản ghi ý kiến ngày 08/12/2021. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T được trực tiếp nuôi hai con chung là phù hợp với khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con, ông N cũng không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Bà T xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T.

- *Về hôn nhân:* Bà Phan Thị T được ly hôn với ông Phạm Phú N.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Phạm Thị Huyền T, sinh ngày 26/8/2007 và Phạm Thanh A, sinh ngày 26/9/2010, cho bà Phan Thị T trực tiếp muôi dưỡng. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà T không yêu cầu.

Bà T và ông N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và

thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung:* Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Phan Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001285 ngày 03/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; như vậy bà T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CCTHADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Tấn Mỹ, H. Chợ Mới, An Giang;
(Số ĐKKH: 48/2010, Quyển số: 01, ngày 20/4/2010);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Nữ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Nguyễn Hoàng Minh – Phạm Văn Liệt	**Trần Xuân Nữ**